TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN BIÊN** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 15/7/2019.
"V/v ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN-TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thanh Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Bà Nguyễn Ngọc Duyên.

2- Ông Trần Thanh Điền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đen, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang: Bà Lai Thị Ngọc Thúy – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 123/2019/TLST-HNGĐ, ngày 16 tháng 4 năm 2019 về việc: "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2019/QĐXX-ST, ngày 19 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 56/2019/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Chị Trần Thị G, sinh năm 1989.

HKTT: Ấp N, xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

Chỗ ở hiện nay: Ấp B, xã V, huyện T, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

2- Bị đơn: Anh Đặng Văn Đ, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 28/01/2019 nguyên đơn chị Trần Thị G trình bày và yêu cầu như sau:

Về hôn nhân: Chị và anh Đặng Văn Đ tự nguyện về chung sống với nhau năm 2008, không có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán ở địa phương. Đến ngày 18/01/2013 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian thì phát sinh ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên cự cải, từ đó vợ chồng đã ly thân từ tháng 5/2018 cho đến năm nay. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa nên chị yêu cầu ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Có 03 người con tên Đặng Bảo N, sinh ngày 28/10/2008, Đặng Bảo H, sinh ngày 15/11/2010 và Đặng Được Bình A, sinh ngày 31/10/2015, từ khi ly thân cho đến nay chị G là người nuôi các cháu, cuộc sống của các cháu cũng ổn định và chị G có điều kiện nuôi con. Nay chị yêu cầu xin được nuôi 03 đứa con và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Chị Trần Thị G không yêu cầu Tòa giải quyết.

Đối với bị đơn anh Đặng Văn Đ Tòa án đã tống đạt hợp lệ gồm: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Đ vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng và cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu của chị G.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Trần Thị G vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu như đã trình bày nêu trên. Ngoài ra, không có ý kiến và yêu cầu gì thêm.

Tại phiên tòa hôm nay, anh Đặng Văn Đ vắng mặt.

Quan điểm của đại viện Viện kiểm sát:

Về phần thủ tục: Từ khi thụ lý hồ sơ vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử thì Thẩm phán đã thực hiện trình tự thủ tục đúng theo quy định của pháp luật. Tại phiên toà, Hội đồng xét xử và thư ký đã thực hiện trình tự thủ tục đúng theo quy định của pháp luật.

Về phần nội dung:

1. Về hôn nhân: Ghi nhận yêu cầu của chị Trần Thị G, xử cho chị Trần Thị G và anh Đặng Văn Đ được ly hôn.

2. Về con chung: Ghi nhận yêu cầu của chị Trần Thị G giao cháu Đặng Bảo N, sinh ngày 28/10/2008, Đặng Bảo H, sinh ngày 15/11/2010 (theo nguyện vọng của cháu N và cháu H) và Đặng Được Bình A, sinh ngày 31/10/2015 cho chị G chăm sóc, nuôi dưỡng, anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản và nợ chung: Chị Trần Thị G không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn, nuôi con và bị đơn trong vụ án có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 28 điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Đối với anh Đặng Văn Đ được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đối với anh Đặng Văn Đ.

[3] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Chị Trần Thị G và anh Đặng Văn Đ về chung sống với nhau năm 2008 và có đăng ký kết hôn vào ngày 18/01/2013 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang nên hôn nhân của chị G và anh Đ là hợp pháp.

Về mâu thuẫn, là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường cự cải nhau từ đó vợ chồng đã ly thân với nhau từ tháng 5/2018 cho đến nay. Từ khi ly thân cho đến nay anh Đ cũng không quan tâm đến vợ con và gia đình hai bên cũng không tự dần xếp với nhau được.

Từ đó, xét thấy mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị G xử cho chị Trần Thị G và anh Đặng Văn Đ ly hôn là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Chị Trần Thị G và anh Đặng Văn Đ có 03 người con tên Đặng Bảo N, sinh ngày 28/10/2008, Đặng Bảo H, sinh ngày 15/11/2010 và Đặng Được Bình A, sinh ngày 31/10/2015, chị G yêu cầu xin được nuôi 03 đứa con và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, yêu cầu của chị G là có cơ sở. Bởi vì, từ khi ly thân cho đến nay chị G chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu, cuộc sống của các cháu vẫn ổn định và bản thân chị có đủ điều kiện để nuôi con, đồng thời

cũng theo nguyện vọng của cháu N và cháu H. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận yêu cầu của chị G là giao cháu Đặng Bảo N, Đặng Bảo H và Đặng Được Bình A cho chị G chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về tài sản và nợ chung: Chị Trần Thị G không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trần Thị G phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng). Nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng). Vậy chị G đã nộp đủ tiền án phí.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nêu trên là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án và khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xư cho chị Trần Thị G và anh Đặng Văn Đ được ly hôn.

2. Về con chung: Ghi nhận yêu cầu của chị Trần Thị G là giao cháu Đặng Bảo N, sinh ngày 28/10/2008, Đặng Bảo H, sinh ngày 15/11/2010 (theo nguyện vọng của cháu N và cháu H) và Đặng Được Bình A, sinh ngày 31/10/2015 cho chị G chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Đ có quyền thăm nom con chung, không ai được ngăn cản. Khi cần thiết chị G và anh Đ có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản và nợ chung: Chị Trần Thị G không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trần Thị G phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng). Nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), theo lai thu số 0001726, ngày 16/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Vậy chị G đã nộp đủ tiền án phí.

5. Báo quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm báo cho chị G có mặt biết có quyền kháng cáo Bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (15/7/2019). Đối với anh Đ vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

6. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- THADS huyện An Biên;
- UBND xã Tây yên;.
- Các đương sự;;
- Lưu Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký và đóng dấu

Phạm Thanh Tâm